

GHI BÀI TUẦN 7

ÔN CHƯƠNG I

Phần A: Sửa bài tập tiết trước

Bài 5: Số học sinh một trường khi xếp hàng 12, xếp hàng 28, xếp hàng 30 để tập đồng diễn tập thể dục thì đều vừa đủ. Biết số học sinh của trường trong khoảng từ 1 700 đến 2 400 em. Tính số học sinh của trường đó.

Bài làm:

Gọi a (học sinh) là số học sinh cần tìm ($a > 0$) và $1700 \leq a \leq 2400$

$a \in BC(12, 28, 30)$

$$12 = 2^2 \cdot 3$$

$$28 = 2^2 \cdot 7$$

$$30 = 2 \cdot 3 \cdot 5$$

$$BCNN(12; 28; 30) = 2^2 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 7 = 420.$$

$$a \in BC(12, 28, 30) = B(420) = \{0; 420; 840; 1260; 1680; 2100; 2520; \dots\}$$

$$\text{mà } 1700 \leq a \leq 2400$$

$$\text{nên } a = 2100$$

Vậy Số học sinh cần tìm là 2100 (học sinh)

Phần B: Trắc nghiệm

Câu 1: Chọn câu sai:

Cho $A = \{8; a; 5; b\}$

a) $8 \in A$

b) $10 \notin A$

c) $b \in A$

d) $5 \notin A$

Đáp án: d

Câu 2: Kết quả của phép tính $6^{12} \cdot 6^4$ viết gọn dưới dạng lũy thừa bằng:

a) 6^3

b) 6^8

c) 6^{16}

d) 6^{48}

Đáp án đúng: c

Câu 3: Kết quả của phép tính $9^{15} : 9^5$ viết gọn dưới dạng lũy thừa bằng:

a) 9^{75}

b) 9^{20}

c) 9^3

d) 9^{10}

Đáp án: d

Câu 4: Chọn câu đúng

a) $48 \in BC(24; 18)$

b) $7 \in ƯC(28; 49)$

c) $60 \in BC(30; 11)$

d) $9 \in \text{ƯC}(17; 27)$

Đáp án: b

Phần C: Bài tập

Bài 1: Tính

a) $25 \cdot 4 - 120 : 5$

$$= 100 - 24$$

$$= 76$$

b) $232 - 12 \cdot \{[(24 + 3 \cdot 23) - 5] : 8\}$

$$= 232 - 12 \cdot \{[(24 + 69) - 5] : 8\}$$

$$= 232 - 12 \cdot \{[93 - 5] : 8\}$$

$$= 232 - 12 \cdot \{88 : 8\}$$

$$= 232 - 12 \cdot 11$$

$$= 232 - 132$$

$$= 100$$

Bài 2: Không thực hiện phép tính, em hãy xét xem:

a) $34565 - 240 + 315 + 21$ có chia hết cho 5 không? Vì sao?

Vì: $34565 : 5$;

$$240 : 5$$

$$315 : 5$$

$$21 : 5$$

Vậy $34565 - 240 + 315 + 21$ không chia hết cho 5

b) $14 \cdot 15 \cdot 16 \cdot 17 - 750$ có chia hết cho 3 không? Vì sao?

Vì $14 \cdot 15 \cdot 16 \cdot 17 : 3$;

$$750 : 3 \quad (7 + 5 + 0 = 12 : 3)$$

Vậy $14 \cdot 15 \cdot 16 \cdot 17 - 750$ chia hết cho 3

Bài 3: Để chuẩn bị cho Năm học mới, bạn An dùng tiền tiết kiệm ở heo đất được 300 000 đồng, mẹ An cho thêm 100 000 đồng, dự định mua sách, vở và dụng cụ học tập. Bảng giá như sau:

STT	TÊN HÀNG	SỐ LƯỢNG	GIÁ BÁN
1	Bộ SGK	1 bộ	150 000 đồng/bộ
2	Bút	5 cây	2 500 đồng/cây
3	Vở	20 quyển	12 000/ quyển

a) Hỏi An có đủ tiền để mua như dự định không? Vì sao?

b) An còn dư hay thiếu bao nhiêu tiền khi mua Sách giáo khoa, vở và dụng cụ học tập?

Bài làm:

Tổng số tiền An có: $300\,000 + 100\,000 = 400\,000$ (đồng)

Số tiền An phải trả:

$$1 \cdot 150\,000 + 5 \cdot 2\,500 + 20 \cdot 12\,000 = 402\,500 \text{ (đồng)}$$

Vì $400\,000 < 402\,500$ nên An không đủ tiền mua như dự định

b) An còn đur hay thiếu bao nhiêu tiền khi mua Sách giáo khoa, vở và dụng cụ học tập?

Số tiền An còn thiếu khi mua Sách giáo khoa, vở và dụng cụ học tập là:

$$402\,500 - 400\,000 = 2\,500 \text{ (đồng)}$$

Phần D: Bài tập về nhà

Bài 1: Bài tập 4/ SGK/ trang 48

Trong dịp “Hội Xuân” để gây quỹ giúp đỡ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn, lớp 6A bán hai mặt hàng (như bảng sau) với mục tiêu số tiền lãi thu được là 500000 đồng.

STT	TÊN HÀNG	SỐ LƯỢNG ĐÃ NHẬP	GIÁ NHẬP	GIÁ BÁN
1	Trà sữa	100 li	8 500 đồng	12 000 đồng
2	Dừa	70 quả	9 800 đồng	15 000 đồng

Trong thực tế các bạn đã bán được số lượng hàng như sau: trà sữa bán được 93 li, dừa bán được 64 quả. Hỏi lớp 6A thu được bao nhiêu tiền lãi? Lớp 6A có hoàn thành mục tiêu đề ra hay không?

Bài 2: Bài tập 8/ SBT/ trang 38

Vào Tết Trung thu, lớp của Trang đã chuẩn bị các phần quà như nhau từ 240 thanh sô cô la nhỏ và 160 chiếc bánh Trung thu để tặng các bạn nhỏ ở một trung tâm khuyết tật. Hỏi các bạn lớp Trang đã chuẩn bị được nhiều nhất bao nhiêu phần quà và khi đó, mỗi phần quà gồm mấy thanh sô cô la và mấy chiếc bánh Trung thu?

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

-Làm 1 chiếc hộp hình lập phương mà các mặt đều là hình vuông có cạnh lớn nhất được cắt ra từ tấm bìa hình chữ nhật có kích thước cho trước là: chiều dài là 36 cm, chiều rộng là 24 cm.

Tìm ƯCLN (36;24)

$$36 = 2^2 \cdot 3^2 \quad 24 = 2^3 \cdot 3$$

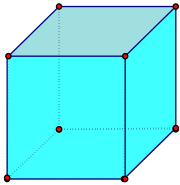
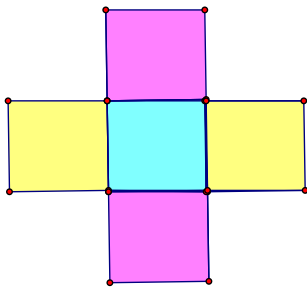
$$\text{ƯCLN}(36;24) = 2^2 \cdot 3 = 12$$

Vậy sẽ cắt tấm bìa thành các hình vuông có cạnh là 12 cm

Số hình vuông cắt được từ tấm bìa:

$$36:12 + 24:12 = 5 \text{ (hình)}$$

- Từ 5 miếng bìa, HS dán thành cái hộp để đựng đồ dùng học tập

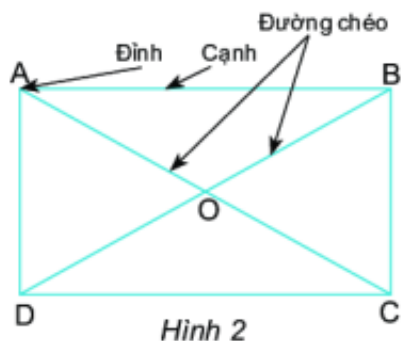


2. Tìm hiểu về diện tích và dân số của các tỉnh thành lân cận Tp Hồ Chí Minh

STT	Tỉnh/TP	Dân số (triệu người) a	Diện tích (km ²) b	q	r
1	HCM	8,993	2061	4460	1640
2	Bình Dương	2,456	2695	911	855
3	Tây Ninh	1,169	4041	289	1151
4	Đồng Nai	3,097	5906	519	3760
5	Bà Rịa- Vũng Tàu	1,148	1987	577	1501
6	Long An	2,003	4492	445	4060
7	Tiền Giang	1,764	2510	702	1980

BÀI 2: HÌNH CHỮ NHẬT – HÌNH THOI – HÌNH BÌNH HÀNH – HÌNH THANG CÂN

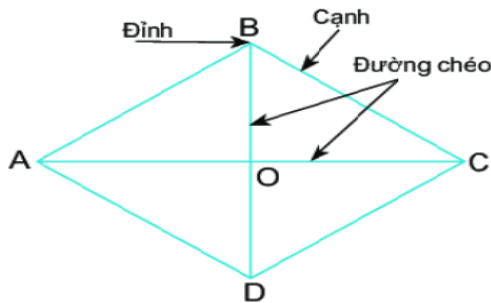
1. Hình chữ nhật.



Hình chữ nhật ABCD có:

- Bốn đỉnh A, B, C, D.
- Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau: $AB = CD$, $BC = AD$
- Hai cặp cạnh đối diện song song: $AB \parallel CD$, $BC \parallel AD$.
- Bốn góc đỉnh A, B, C, D bằng nhau và bằng góc vuông.
- Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường: $AC = BD$ và $OA = OC$; $OB = OD$.

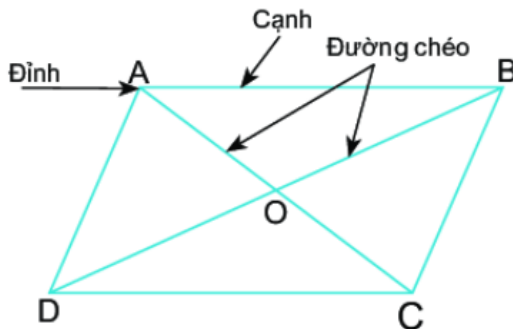
2. Hình thoi.



Hình thoi ABCD có:

- Bốn đỉnh A, B, C, D.
- Bốn cạnh bằng nhau: $AB = BC = CD = AD$.
- Hai cặp cạnh đối diện song song: $AB \parallel CD$, $BC \parallel AD$.
- Bốn góc đỉnh A, B, C, D bằng nhau và bằng góc vuông.
- Hai đường chéo AC và BD vuông góc với nhau.

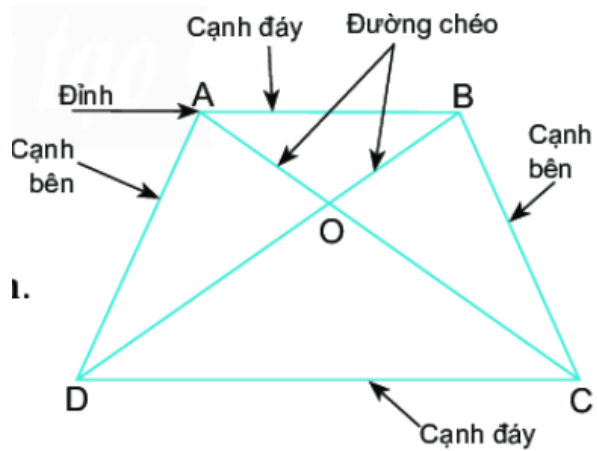
3. Hình bình hành.



Hình bình hành ABCD có:

4. Bốn đỉnh A, B, C, D.
5. Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau: $AB = CD$, $BC = AD$
6. Hai cặp cạnh đối diện song song: $AB \parallel CD$, $BC \parallel AD$.
7. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường: $OA = OC$; $OB = OD$.

4. Hình thang cân.



1.

Hình thang ABCD có:

- 5. Hai cạnh đáy song song: $AB \parallel CD$
- 6. Hai cạnh bên bằng nhau: $BC = AD$.
- 7. Hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD$.

Hình thang ABCD như thế được gọi là hình thang cân.